

## 2020 CCOM Standard Grade Examination (Canada)

Permit No.	Examinee Name	Chinese	Location
考生編號	考生姓名	中文	地點
CND-O-20-F-101	Marjolaine Fournier	-	渥太華
CND-O-20-F-102	Aleksandra Taneesha Djuric	-	渥太華
CND-O-20-I-401	Yu Lun Wu	吳宇倫	渥太華
CND-O-20-I-402	Di Chen	陳 迪	渥太華
CND-O-20-I-403	Ruo Tian Wang	王若恬	渥太華
CND-O-20-I-404	Rui Jia Tan	譚睿佳	渥太華
CND-O-20-I-405	Aaric He	-	渥太華
CND-O-20-I-406	Samantha Liu	劉施言	渥太華
CND-O-20-I-407	Eva Wang	-	渥太華
CND-O-20-I-408	Xuanyi Zhu	朱宣伊	渥太華
CND-O-20-I-409	Chu Heng Xie	謝楚珩	渥太華
CND-O-20-I-410	Zhi Fei Zhao	趙知非	渥太華
CND-O-20-I-411	Xuan Zi Yan	闔萱梓	渥太華
CND-O-20-I-412	Eva Li	李宜珊	渥太華
CND-O-20-I-413	Ya Wen Zhang	張雅雯	渥太華
CND-O-20-I-414	Lu Yi Liu	劉路易	渥太華
CND-O-20-I-415	Perceval Larochelle	樂 樂	渥太華
CND-O-20-I-416	Kathy Zhao	趙澤慧	渥太華
CND-O-20-I-417	Eva Li	李宜珊	渥太華
CND-O-20-I-418	Xiao Jian Zhou	周曉健	渥太華
CND-O-20-I-419	Chu Heng Xie	謝楚珩	渥太華
CND-O-20-I-420	Juan Ding	丁 娟	渥太華
CND-O-20-I-421	Teena Zheng	鄭學超	渥太華
CND-O-20-I-422	Chanel Lauzon	-	渥太華
CND-O-20-I-423	Sophie Mackereth	陳婷婷	渥太華
CND-O-20-I-424	Fan Zhang	張 帆	渥太華
CND-O-20-I-425	Ying Jiang	姜 穎	渥太華
CND-O-20-I-426	Karen Li	李美玉	渥太華
CND-O-20-I-427	Kathy Zhao	趙澤慧	渥太華
CND-O-20-I-428	Chanel Lauzon	-	渥太華
CND-O-20-I-429	Yi Yao Jiang	蔣一瑤	渥太華
CND-O-20-I-430	Liana Zhang	張天媛	渥太華
CND-O-20-I-431	Lucia Ip	何月明	渥太華
CND-O-20-I-432	Jing Ying Xu	許婧穎	渥太華
CND-O-20-I-433	Judy Xin Ran Zhong	鍾欣然	渥太華
CND-O-20-I-434	Leia Qian	錢麗亞	渥太華
CND-O-20-I-435	Yu Ying Zhu	朱育瑩	渥太華
CND-O-20-I-436	Murui Wang	王慕蕊	渥太華
CND-O-20-I-437	Grace Ke Yi Wang	王可意	渥太華
CND-O-20-I-438	Yi Fan Bu	卜一帆	渥太華
CND-O-20-I-439	Murui Wang	王慕蕊	渥太華
CND-O-20-I-440	Yi Jia Tan	譚逸嘉	渥太華
CND-O-20-I-441	Jin Yi Lu	盧靖宜	渥太華
CND-O-20-I-442	Bowen Yu	俞小文	渥太華
CND-O-20-G-201	Liana Zhang	張天媛	渥太華
CND-O-20-G-202	Victoria Yu Fei Luan	栾雨霏	渥太華
CND-T-20-K-601	Kimberly Yang	楊珂靈	多倫多
CND-T-20-F-101	Edward Kwok	郭永賢	多倫多
CND-T-20-F-102	Caroline Cheng	鄭育紅	多倫多
CND-T-20-F-103	Chi Yung Lam	林智勇	多倫多
CND-T-20-F-104	Allan Chan	陳耀發	多倫多
CND-T-20-F-105	Vivian Wong	黃慧雲	多倫多
CND-T-20-F-106	Hing Fung Wong	黃慶豐	多倫多
CND-T-20-F-107	Sau Fong Leung	梁秀芳	多倫多
CND-T-20-F-108	Tzu Ying Wang	王姿瓊	多倫多
CND-T-20-F-109	Sik Yiu Chong	莊錫耀	多倫多
CND-T-20-F-110	Teresa Ng	吳佩榮	多倫多

## 2020 CCOM Standard Grade Examation (Canada)

Permit No.	Examinee Name	Chinese	Location
考生編號	考生姓名	中文	地點
CND-T-20-F-111	Yin Mui Kung	龔吳燕梅	多倫多
CND-T-20-F-112	Zi Wen Zhang	張紫雯	多倫多
CND-T-20-F-113	Roland Qiao Wong	黃 翹	多倫多
CND-T-20-F-114	Erin Ri Wong	黃 日	多倫多
CND-T-20-F-115	Sky Yang	楊 天	多倫多
CND-T-20-F-116	Gong Fu Yu Fang	方龔馥玉	多倫多
CND-T-20-F-117	Zheng Hua Luo	羅正華	多倫多
CND-T-20-F-118	Nicole Liang	梁啣啣	多倫多
CND-T-20-F-119	Angelina Hernandez Liu	劉家騏	多倫多
CND-T-20-F-120	Joy Huang	-	多倫多
CND-T-20-F-121	Nicholas Yan Tung Chan	陳胤彤	多倫多
CND-T-20-I-401	Rachel Lin	-	多倫多
CND-T-20-I-402	Hui Hong	-	多倫多
CND-T-20-I-403	Hui Ping Xiao	肖惠萍	多倫多
CND-T-20-I-404	Alyssa Yang Mao	-	多倫多
CND-T-20-I-405	Yu Nuo Cai	蔡語諾	多倫多
CND-T-20-I-406	Mi Ya Liu	劉雨汐	多倫多
CND-T-20-I-407	Kristine Chen	-	多倫多
CND-T-20-I-408	Eva Yang	楊雲霓	多倫多
CND-T-20-I-409	Yu Wei Fu	傅雨薇	多倫多
CND-T-20-I-410	Qian Xia Jin	金倩霞	多倫多
CND-T-20-I-411	Clarimond Lin	林歆範	多倫多
CND-T-20-I-412	Amelie Le Xian Choy	蔡樂賢	多倫多
CND-T-20-I-413	Sophia Yu	于佳怡	多倫多
CND-T-20-I-414	Briana Lu	呂芷晴	多倫多
CND-T-20-I-415	Yu Wei Fu	傅雨薇	多倫多
CND-T-20-I-416	Ruo Xi Wang	王若溪	多倫多
CND-T-20-I-417	Bonnie Zi Yu Li	李梓瑜	多倫多
CND-T-20-I-418	Mona Liu	劉美娜	多倫多
CND-T-20-I-419	Cecilia Yu	虞泌玥	多倫多
CND-T-20-I-420	Summer Rui Si Fang	方睿思	多倫多
CND-T-20-I-421	Melody Li	李樂璇	多倫多
CND-T-20-I-422	Shu Yu Cui	崔舒羽	多倫多
CND-T-20-I-423	Shang Zhe Mei Wang	王尚喆美	多倫多
CND-T-20-I-424	Yi Rui Zeng	曾倚睿	多倫多
CND-T-20-I-425	Juan Shi	石 娟	多倫多
CND-T-20-I-426	Sin Yiu Athena Cheung	張善堯	多倫多
CND-T-20-I-427	Karen Li	-	多倫多
CND-T-20-I-428	Glenda Wang	王滋滋	多倫多
CND-T-20-I-429	Jun Jie Liang	梁君洁	多倫多
CND-T-20-I-430	Evelyn Xu	-	多倫多
CND-T-20-I-431	Ming Xi Liu	劉茗溪	多倫多
CND-T-20-I-432	Emma Zhang	張續方	多倫多
CND-T-20-I-433	Jia Ye Yang	楊嘉葉	多倫多
CND-T-20-I-434	Anna Zhou	周千莉	多倫多
CND-T-20-I-435	Mandie Wang	王 閱	多倫多
CND-T-20-I-436	Clare Jing Hua Liu	劉淨華	多倫多
CND-T-20-I-437	Wing Man Lee	李穎旻	多倫多
CND-T-20-I-438	Yi Rui Zeng	曾倚睿	多倫多
CND-T-20-I-439	Du Zhi Lin Li	李杜知臨	多倫多
CND-T-20-I-440	Mia Liu	劉美雅	多倫多
CND-T-20-I-441	Michelle Wang	王怡渚	多倫多
CND-T-20-I-442	Kelly Chen	-	多倫多
CND-T-20-I-443	Kee Gan Clarke	黃瀚嘉	多倫多
CND-T-20-I-444	Elora Wang	王子漩	多倫多
CND-T-20-I-445	Xing Yue Li	李星玥	多倫多

## 2020 CCOM Standard Grade Examation (Canada)

Permit No.	Examinee Name	Chinese	Location
考生編號	考生姓名	中文	地點
CND-T-20-I-446	Grace Wang	王 歌	多倫多
CND-T-20-I-447	Angelina Zheng	鄭紫涵	多倫多
CND-T-20-I-448	Vanesse Chin Wai Ngan	顏芊蕙	多倫多
CND-T-20-I-449	Eleanor Si Yu Qu	曲思宇	多倫多
CND-T-20-I-450	Amy Su	蘇士雪	多倫多
CND-T-20-I-451	Angelina Li	李樂陽	多倫多
CND-T-20-I-452	Catherine Cheung	張可婷	多倫多
CND-T-20-I-453	Hao Xuan Liang	梁浩軒	多倫多
CND-T-20-I-454	Megan Clarke	黃煜婷	多倫多
CND-T-20-I-455	Jerrica Chen	陳家宇	多倫多
CND-T-20-I-456	Lucy Keyes Feng	馮 路	多倫多
CND-T-20-I-457	Chloe Chung Yee Yu	余頌頤	多倫多
CND-T-20-I-458	Molly Chen	-	多倫多
CND-T-20-I-460	Jessica Song	宋睿洁	多倫多
CND-T-20-I-461	Qi Ran Zheng	鄭倚然	多倫多
CND-T-20-I-462	Zi Chun Hua	華子淳	多倫多
CND-T-20-I-463	Cathy Tin Oi Chen	陳天愛	多倫多
CND-T-20-I-464	Stella Gu	顧舒婷	多倫多
CND-T-20-I-465	Scarlett Hao	郝思嘉	多倫多
CND-T-20-I-466	Hui Shu Chen	陳慧樹	多倫多
CND-T-20-I-467	Lucy Keyes Feng	馮 路	多倫多
CND-T-20-I-468	Alvina Hiu Tung Cheung	張曉童	多倫多
CND-T-20-I-469	Lavina Hiu Nam Cheung	張曉嵐	多倫多
CND-T-20-I-470	Annika Chhoa	蔡文祺	多倫多
CND-T-20-H-301	Gabriel Lin	林丞軒	多倫多
CND-T-20-H-302	Ryan Chen	陳均銘	多倫多
CND-T-20-H-303	Eva Chen	陳均瑩	多倫多
CND-T-20-G-201	Jia Tong Ma	馬佳彤	多倫多
CND-T-20-G-202	Joy Yu Jia Shen	沈宇佳	多倫多
CND-T-20-G-203	Jun Wen Wang	汪珺雯	多倫多
CND-T-20-G-204	Rainy Lu	陸 巧	多倫多
CND-T-20-G-205	Ceci Yue Xi Li	黎玥溪	多倫多
CND-T-20-G-206	Si Yu Lou	樓思予	多倫多
CND-T-20-G-207	Xi Ning Luo	駱溪凝	多倫多
CND-T-20-G-208	Zoe Zou Yu Chen	陳鄒羽	多倫多
CND-T-20-J-501	Hiu Tung Nicole Chan	陳曉彤	多倫多
CND-T-20-J-502	Jacorey Ou	區 戈	多倫多
CND-M-20-F-101	Samantha Yu	于松靈	滿地可
CND-M-20-I-401	Pan Shen	沈 盼	滿地可
CND-M-20-I-402	Melina Liu Boulay	劉美琳娜	滿地可
CND-M-20-I-403	Kai Wei Zhou	周凱薇	滿地可
CND-M-20-I-404	Perry Zhou	周文飛	滿地可
CND-M-20-I-405	Jia Shu Yao	姚佳書	滿地可
CND-M-20-I-406	Amanda Zhang	張欣梅	滿地可
CND-M-20-I-407	Yue Yao Li	李玥瑤	滿地可
CND-M-20-I-408	Si Si Zhou	周思思	滿地可
CND-M-20-I-409	Evelyn Shen	沈心雅	滿地可
CND-M-20-I-410	Yao Qing Zhu	朱瑤晴	滿地可
CND-M-20-I-411	Elizabeth Yinying Wei	魏滢滢	滿地可
CND-M-20-I-412	Lin Han Cheng	程琳涵	滿地可
CND-M-20-I-413	Flora Che Chen	陳 澈	滿地可
CND-M-20-I-414	Wei Yi Chen	陳唯一	滿地可
CND-M-20-I-415	Lina Yang	楊麗娜	滿地可
CND-M-20-I-416	Si Qi Xiong	熊思琪	滿地可
CND-M-20-I-417	Clement Zhang	-	滿地可

2020 CCOM Standard Grade Examination (Canada)

Permit No. 考生編號	Examinee Name 考生姓名	Chinese 中文	Location 地點
CND-M-20-I-418	Christine He	-	滿地可
CND-M-20-I-419	Lea Li	李笛霏	滿地可
CND-M-20-I-420	Lin Yue Wang	王琳玥	滿地可
CND-M-20-I-421	Gao Fei Wang	王高菲	滿地可
CND-M-20-I-422	Elsa Jing Zhao	趙菁	滿地可
CND-M-20-I-423	Pu Zhen Li	李璞真	滿地可
CND-M-20-I-424	Cai He Lu	路采荷	滿地可
CND-M-20-I-425	Grace Jia Qi Wang	王佳琪	滿地可
CND-M-20-I-426	Jasmine Dufour	陳莉嘉	滿地可
CND-M-20-I-427	Hui Yi Sun	孫慧怡	滿地可
CND-M-20-I-428	Qian Yu Chen	陳芊雨	滿地可
CND-M-20-I-429	Ya Qi Luo	羅雅淇	滿地可
CND-M-20-I-430	Xue Zhi Ding	丁雪之	滿地可
CND-M-20-I-431	Yu Lun Yang	楊宇倫	滿地可
CND-M-20-I-432	Yu Han Sun	孫語哈	滿地可
CND-M-20-I-433	Jin Yi Pan	潘錦儀	滿地可
CND-M-20-I-434	Jia Qi Lu	陸嘉琪	滿地可
CND-M-20-I-435	Jia Yao Lu	陸嘉瑤	滿地可
CND-M-20-I-436	Yi Tong Gao	高藝桐	滿地可
CND-M-20-I-437	Ivy Zhou	周萌萌	滿地可
CND-M-20-I-438	Sophie Meng Yi Hu	胡萌奕	滿地可
CND-M-20-I-439	Jing Yi Ba	霸婧怡	滿地可
CND-M-20-I-440	Issa Abdourahamane	阿卜杜拉赫曼毅颯	滿地可
CND-M-20-I-441	Yu Zhou Zhang	張宇洲	滿地可
CND-M-20-H-301	Olivia Zhang	-	滿地可
CND-M-20-H-302	Isabella Zeng Li	曾李伊沙貝拉	滿地可
CND-M-20-H-303	Huang Mei Noella Ngoundou	公度黃梅	滿地可
CND-M-20-H-304	Carolyn Li	黎嘉儀	滿地可